

ENERGY SOURCES

A CLOSER LOOK 2

- scientist /'saɪəntɪst/	(n): nhà khoa học
- develop /dɪ'vel.əp/	(v): phát triển, mở rộng
- protect /prə'tekt/	(v): bảo vệ, che chở
- reduce /rɪ'dʒu:s/	(v): giảm
- reuse /,ri:'ju:z/	(n): tái sử dụng
- recycle /,ri:'saɪ.kəl/	(n): tái chế
- Iceland /'aɪs.lənd/	(n): Ai Len
- course /kɔ:s/	(n): khoá, lớp
- term /tɜ:m/	(n): học kì